

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HS-PT

Ngày 12/5/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Trường.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Minh Tân.

Ông Vũ Thanh Tuấn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**  
Bà Phạm Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 12/5/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 43/2021/TLPT-HS ngày 19/4/2021 đối với bị cáo Lã Xuân Tr do có kháng cáo của bị cáo Tr đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2021/HS-ST ngày 16/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện KT, tỉnh Hải Dương.

**- Bị cáo kháng cáo: Lã Xuân Tr**, sinh năm 1991; Nơi sinh, nơi đăng ký thường trú, nơi sinh sống: Thôn LN, xã KL, huyện KT, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lã Văn S và bà Hứa Thị Ng; Vợ là Nguyễn Thị T và hai con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 60/QĐ-XPVPHC ngày 09/4/2015, Lã Xuân Tr bị Công an huyện KT phạt tiền về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện KT từ ngày 17/5/2020 đến ngày 22/5/2020, chuyển tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 22/5/2020 đến nay; có mặt.

**- Bị cáo không kháng cáo: Nguyễn Ngọc D**, sinh năm 1992; Nơi sinh, nơi đăng ký thường trú, nơi sinh sống: Khu CT, phường AP, thị xã KM, tỉnh Hải Dương.

**- Bị hại không kháng cáo:**

1. Ông Quảng Văn H , sinh năm 1974; nơi cư trú: Bản PhC, xã ChL , huyện ML , tỉnh Sơn La; vắng mặt.

2. Anh Phạm Văn H , sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn LN , xã KL , huyện KT, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Văn Th , sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn CĐ , xã TV , huyện KT, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

4. Anh Hoàng Lê Minh Ph, sinh năm 1988 và chị Phạm Thị L (là vợ anh Ph2), sinh năm 1993; đều cùng nơi cư trú: Khu BM , thị trấn PT , huyện KT, tỉnh Hải Dương; đều vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 18 giờ ngày 06/5/2020, Lã Xuân Tr ngồi phía sau xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Nouvo (*không rõ biển số*) của Hoàng Văn Th2 , sinh năm 1989, trú tại: Thôn X, xã ThX , huyện ThH, tỉnh Hải Dương do Th điều khiển đi đến quán ăn ThH ở thôn LB, xã KL , huyện KT ăn tối. Khi đến nơi, Tr phát hiện thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave RXS, biển số 26L1-040.76 của ông Quảng Văn H , là bảo vệ của quán ăn ThH đang dựng ở lán để xe (*bên trong cốp xe có giấy đăng ký của xe*). Tr nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe của ông Hn đem bán lấy tiền ăn tiêu. Tr vào trong quán ăn gọi đồ ăn và bàn với Th việc trộm cắp chiếc xe trên, Th đồng ý (*theo Tr khai*). Sau đó, Tr gọi điện thoại cho Nguyễn Ngọc D đến quán ăn ThH để ăn tối cùng D và Th . D đi xe mô tô kiểu dáng Dream của D đến quán ăn ThH và vào ngồi ăn tại bàn ngay cạnh cửa quán cùng với Tr và Th . Khoảng 10 phút sau, Tr đi ra khu vực lán để xe, dùng chiếc vạm phá khóa đem theo phá khóa điện xe mô tô biển số 26L1-040.76 rồi quay lại bàn ăn, nói với Dương và Th : “*Tao mở được khóa xe kia rồi đấy, tý nữa Th ra đi về*”. Khi nghe Tr nói như vậy, D hiểu là Tr nói đã mở được khóa của chiếc xe máy dựng ở lán để xe của quán ăn, D và Th cùng đồng ý trộm cắp chiếc xe máy này. Sau đó, Th đứng dậy lấy và đi chiếc xe mô tô biển số 26L1-040.76 về nhà nghỉ Qu thuộc phường An Sinh, huyện KT, tỉnh Hải Dương (*nơi Tr , D và Th đang thuê phòng ở đó theo Tr và Dương khai*). Tr Th toán tiền ăn rồi ra lấy xe mô tô của Th đi đến nhà nghỉ TD ở thị trấn PT, huyện KT gửi xe và đi xe ô tô khách đến Sơn La chơi, còn D đi xe một mình đến nhà nghỉ Qu . Sau đó, Tr gọi D ra nhà nghỉ TD lấy xe mô tô về trả cho Th .

Ngày 09/5/2020, Tr từ Sơn La về nhà nghỉ Qu , Tr và D bàn nhau đem bán chiếc xe mô tô biển số 26L1-040.76 trộm cắp được của ông Hn nêu trên để lấy tiền ăn tiêu. Ngày 10/5/2020, D điều khiển xe mô tô biển số 26L1-040.76 chở Tr đến nhà anh Bùi Gia Thg , sinh năm 1984 ở xóm 7, xã VH , huyện ThH, tỉnh Hải

Dương bảo anh Th cầm xe và cho anh Th xem giấy đăng ký xe nhưng anh Th không nhận cầm vì không có tiền. Khi đó, anh Th nhờ người gọi điện thoại cho anh Vũ Văn Th2, sinh năm 1986 ở thôn NhL, xã C2, huyện ThH đến nhà anh Th dẫn D đến nhà chị Lại Thị V , sinh năm 1973 ở thôn AL, xã Th Khê, huyện ThH, D đem cầm cố chiếc xe trên và giấy đăng ký của xe cho chị V với giá 4.500.000 đồng, D nói với chị V đó là xe của D. Sau đó, D và Tr đi xe taxi về nhà nghỉ Qu gặp Th và cùng nhau ăn tiêu hết số tiền trên.

Theo chị V khai, chị không nhớ có nhận cầm cố chiếc xe mô tô Honda loại Wave RSX, biển số 26L1-040.76 hay không, hiện tại ở nhà chị V không có chiếc xe này. Đến nay Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện KT không thu giữ được. Ngày 28/12/2020, ông Lã Văn S (*là bố của Tr*) đã tự nguyện bồi thường cho ông Quảng Văn H số tiền 5.500.000 đồng, ông Hn yêu cầu được bồi thường tiếp số tiền còn lại theo trị giá chiếc xe.

Tại bản Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện KT ngày 17/8/2020 kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave RSX, biển số 26L1-040.76 trị giá 10.925.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng hơn 23 giờ ngày 09/5/2020, Lã Xuân Tr điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave RSX, không rõ biển số (*do Tr mượn của Hoàng Văn Th2 trước đó*) chở Nguyễn Ngọc D đi lang thang ở khu vực thị trấn PT , huyện KT. Khi đi qua cửa hàng điện thoại QH ở số 40, đường TĐ, thị trấn PT , Tr và D phát hiện thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Jupiter, biển số 34L1-1007 của anh Phạm Văn H dựng trước cửa quán không có người trông giữ, chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa điện của xe. D nói với Tr : “*Có ăn không?*” Tr hiểu ý D hỏi có lấy trộm chiếc xe này không nên trả lời: “*Có*”. Tr điều khiển xe dừng cách vị trí dựng chiếc xe trên khoảng 03 mét, D xuống xe đi đến mở khóa điện chiếc xe mô tô biển số 34L1-1007 rồi điều khiển đi đến nhà nghỉ Qu ở phường AS, huyện KT, Tr điều khiển xe đi theo D.

Ngày 17/5/2020, Tr và D sử dụng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Jupiter trộm cắp được của anh Phạm Văn H làm phương tiện đi cướp giật tài sản đã bị Công an huyện KT thu giữ (*trước đó Tr và D đem tháo chiếc biển số 34L1-1007 ra và gắn chiếc biển số 89B1-763.87 do Tr và D nhặt được vào xe mô tô trộm cắp của anh Hn*). Ngày 08/6/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện KT trả lại xe cho anh Hn. Đối với chiếc biển số 34L1-1007, Tr và D tháo ra đã làm mất, đến nay không thu giữ được, anh Hn không yêu cầu Tr và D phải bồi thường thiệt hại.

Tại bản Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện KT ngày 22/5/2020 kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Jupiter, biển số 34L1-1007 trị giá 6.500.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 07 giờ ngày 14/5/2020, Lã Xuân Tr điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Jupiter, biển số 34L1-1007 (xe trộm cắp được của anh Phạm Văn H ) chở Nguyễn Ngọc D từ nhà nghỉ Qu ở phường AS, huyện KT ra Quốc lộ 5 dọc theo chiều đường Hải Phòng - Hà Nội, mục đích xem ai có tài sản dễ sơ hở thì trộm cắp lấy tiền ăn tiêu. Khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi đến khu vực thôn Qu, xã KX, huyện KT, Tr và D quan sát phía trước thấy anh Nguyễn Văn Th và một số người khác đang xảy ra xô sát cãi nhau ở rìa đường, cách đó khoảng 15 mét về hướng Hải Phòng, trên làn đường xe thô sơ, anh Th3 dựng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Airblade, biển số 34B2-795.66, đầu xe quay hướng Hải Phòng. Khi đi qua chiếc xe mô tô trên, Tr quan sát thấy chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa điện. Tr dừng xe cách chỗ xe mô tô của anh Th3 đang dựng khoảng 02 mét, quay đầu lại nói với D: “Xe kia vẫn cắm chìa khóa kia”, D hiểu ý Tr bảo trộm cắp chiếc xe đó. D bảo Tr : “Xuống đi”. Tr xuống xe đi bộ đến mở khóa điện xe mô tô biển số 34B2-795.66 rồi điều khiển đi ngược chiều đường Quốc lộ 5 rẽ sang huyện KT, D điều khiển xe mô tô biển số 34L1-1007 đi theo sau. Khi đi đến khu vực chân cầu An Thái thuộc địa phận huyện KT thì Tr và D dừng xe rồi lấy chiếc cờ lê của Tr để trong cốp xe trộm cắp của anh Hn đem tháo chiếc biển số 34B2-795.66 ra khỏi xe. D bàn với Tr đem chiếc xe vừa trộm cắp được đến bán cho anh Lương Văn C (là bạn của D), sinh năm 1975 ở phường AP , huyện KT. Sau đó, Tr và D đổi xe cho nhau điều khiển đi đến nhà anh C đem bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Airblade vừa trộm cắp được cho anh C với giá 3.000.000 đồng. Số tiền có được do phạm tội mà có, Tr và D cùng nhau ăn tiêu hết. Ngày 08/9/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện KT tiến hành quản lý chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Airblade không đeo biển số, do anh Lương Văn D (con trai anh C), sinh năm 1993, trú tại: phường AP tự nguyện giao nộp. Ngày 11/9/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện KT trả lại anh Th chiếc xe mô tô trên. Đối với chiếc cờ lê của Tr sử dụng vào việc phạm tội và chiếc biển số 34B2-795.66, Tr và Dương để ở võng xe mô tô của anh Huân sau đó bị mất không thu giữ được. Anh Th không yêu cầu Tr và D phải bồi thường thiệt hại.

Tại bản Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện KT ngày 17/8/2020 kết luận: chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Airblade, biển số 34B2-795.66 trị giá 20.250.000 đồng.

Tại bản Kết luận giám định số 393/KLGD ngày 06/6/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Biển số 89B1-763.87 là giả.

Vụ thứ tư: Khoảng hơn 07 giờ ngày 17/5/2020, Tr điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Jupiter, đeo biển số 89B1-763.87 chở D đi đến nhà bạn của Tr ở xã KT, huyện KT, tỉnh Hải Dương để Tr hỏi vay tiền của bạn. Khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi đến đoạn đường thuộc thôn PhC, xã KA, huyện

KT, D phát hiện thấy xe mô tô do anh Hoàng Lê Minh Ph điều khiển ngược chiều, phía sau xe chở hai con nhỏ và vợ là chị Phạm Thị Ln, trên vai trái của chị Ln đeo chiếc ví giả da màu đen kích thước 20x13x5cm, bên trong có số tiền 1.370.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động Samsung loại A70 của chị Ln và 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6S của anh Ph, D nảy sinh ý định cướp giật chiếc ví của chị Ln để lấy tiền chi tiêu, D nói với Tr : “*Con kia đeo túi xách kia*”. Tr hiểu ý D muốn giật chiếc ví của chị Ln nên đã điều khiển xe quay lại đi theo xe mô tô do anh Phn đang điều khiển. Khi đến khu vực cổng Tr mầm non thuộc thôn Phan Chi, xã Kim Anh, huyện KT, thấy đoạn đường này vắng người nên Tr điều khiển xe mô tô vượt lên về bên trái, áp sát vào xe mô tô do anh Phn điều khiển để D ngồi sau giật chiếc ví của chị Ln. Sau đó, Tr điều khiển xe mô tô bỏ chạy. Anh Phg đuổi theo Tr và D một đoạn thì để vợ và con xuống xe rồi tiếp tục đuổi theo. Tr điều khiển xe chở D đến đoạn đường Quốc lộ 5 chiều Hà Nội - Hải Phòng, gần cầu vượt thuộc xã KL thì bị ngã đổ xe, chiếc ví D cầm trên tay bị rơi ra đường. Tr và D để lại xe mô tô và chiếc ví vừa cướp giật được rồi bỏ chạy. Anh Phng đuổi theo bắt giữ được D, sau đó lực lượng công an xã KL đến đưa D về trụ sở công an xã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, quản lý chiếc ví giả da màu đen, kích thước 20x13x5cm, bên trong có số tiền 1.370.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động Samsung, loại A70; 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6S và quản lý chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Jupiter, đeo biển số 89B1-763.87, bên trong cốp xe có 01 chiếc vạm phá khóa bằng kim loại. Tr chạy thoát, đến hồi 18 giờ cùng ngày, Tr ra Công an huyện KT đầu thú hành vi phạm tội của mình.

Ngày 23/5/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện KT trả lại chị Phạm Thị L chiếc ví giả da màu đen, chiếc điện thoại di động Samsung loại A70, chiếc điện thoại di động Iphone 6S và số tiền 1.370.000 đồng. Chị Ln và anh Lê Minh Phng không yêu cầu Tr , D phải bồi thường thiệt hại.

Tại bản Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện KT ngày 22/5/2020 kết luận: chiếc ví giả da màu đen, kích thước 20x13x5cm trị giá 210.000 đồng; chiếc điện thoại di động Samsung loại A70 trị giá 5.500.000 đồng; chiếc điện thoại di động Iphone 6S trị giá 3.000.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 07/2021/HS-ST ngày 16/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện KT, tỉnh Hải Dương căn cứ vào khoản 1 Điều 173 và điểm d khoản 2 Điều 171, điểm h, r, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 55, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Tr .

Căn cứ điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Tr .

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 288, Điều 584, Điều 589, Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a, c khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Lã Xuân Tr phạm tội Trộm cắp tài sản và tội Cướp giật tài sản.

2. Xử phạt bị cáo Lã Xuân Tr 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, 03 năm 09 tháng tù về tội Cướp giật tài sản; tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Tr chấp hành hình phạt chung là 06 năm 03 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 17/5/2020.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về trách nhiệm bồi thường; quyền yêu cầu thi hành án; vật chứng; án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của bị cáo, bị hại theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/3/2021 bị cáo kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 BLTTHS, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 07/2021/HS-ST ngày 16/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện KT về phần quyết định hình phạt. Bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm hình sự theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về tố tụng: Bị cáo kháng cáo trong thời hạn luật định nên kháng cáo là hợp lệ.

[2] Về nội dung: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, như vậy có đủ cơ sở kết luận: Ngày 06/5/2020, tại nhà hàng ThH thuộc thôn LB, xã KL, huyện KT, tỉnh Hải Dương, Lã Xuân Tr và Nguyễn Ngọc D trộm cắp của ông Quảng Văn H chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave RXS, biển số 26L1-04076 trị giá 10.925.000 đồng; ngày 09/5/2020, tại quán điện thoại Qu ở số 40, đường TrĐ, thị trấn PT, huyện KT, Tr và Dương trộm cắp của anh Phạm Văn H chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Jupiter, biển số 34L1-1007 trị giá 6.500.000 đồng; ngày 14/5/2020, tại đường Quốc lộ 5 thuộc thôn Qu, xã KX, huyện KT, Tr và D trộm cắp của anh Nguyễn Văn Th chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Airblade, biển số 34B2-795.66 trị giá 20.250.000 đồng. Tổng trị giá tài sản, Tr và D trộm cắp là 37.675.000 đồng. Tiếp đến, khoảng 08 giờ 30 phút ngày 17/5/2020, tại đường thôn PhCh, xã KA, huyện KT, Lã Xuân Tr và Nguyễn Ngọc D sử dụng xe mô tô giật chiếc ví giả da trị giá 210.000 đồng của chị Phạm Thị L đang đeo trên vai (chị Ln đang ngồi phía sau xe máy do anh Hoàng Lê Minh

*Ph điều khiển*), trong chiếc ví của chị Ln có số tiền 1.370.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động Samsung loại A70 trị giá 5.500.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6S trị giá 3.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản Tr và D cướp giật là 10.080.000 đồng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản và nhân thân của người khác nên Tòa án nhân dân huyện KT xét xử bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 và tội Cướp giật tài sản được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Về tội danh không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt không lớn đối với hành vi cướp giật tài sản; bị cáo tự thú khai báo về các hành vi trộm cắp tài sản; sau khi phạm tội cướp giật tài sản bị cáo đã đến Công an huyện KT đầu thú và tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại. Cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản và cướp giật tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do động cơ tư lợi, bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và tội Cướp giật tài sản được quy định tại Điều 171 Bộ luật Hình sự. Khi phạm tội, các bị cáo đi xe máy để cướp giật tài sản của bị hại cũng đang điều khiển xe máy tham gia giao thông. Vì vậy, hành vi cướp giật tài sản của các bị cáo thuộc Tr hợp ***“Dùng thủ đoạn nguy hiểm”*** nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Đây là vụ án đồng phạm, bị cáo với vai trò là người thực hành tích cực. Hành vi của bị cáo, cần phải xử phạt nghiêm và áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, 03 năm 09 tháng tù về tội Cướp giật tài sản; tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 06 năm 03 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 17/5/2020 là phù hợp với pháp luật. Tại cấp phúc thẩm bị cáo không có thêm tình tiết mới làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt. Do vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 BLTTHS, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 07/2021/HS-ST ngày 16/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện KT, tỉnh Hải Dương.

[4] Về án phí phúc thẩm: Bị cáo kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 135 và 136 BLTTHS và điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lã Xuân Tr. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 07/2021/HS-ST ngày 16/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện KT, tỉnh Hải Dương về phần hình phạt.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 và điểm d khoản 2 Điều 171, điểm b, h, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 55, Điều 58 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt bị cáo Lã Xuân Tr 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, 03 năm 09 tháng tù về tội Cướp giật tài sản; tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Tr phải chấp hành hình phạt chung là 06 (sáu) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 17/5/2020.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lã Xuân Tr phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 12/5/2021./.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở TP tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện KT;
- Công an huyện KT;
- VKSND huyện KT;
- Chi cục THADS huyện KT;
- Cơ quan THAHS Công an huyện KT;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ; lưu TA.

**TM. Hội đồng xét xử phúc thẩm**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Xuân Tr**

